

ĐÀO TẠO CỬ NHÂN VĂN CHƯƠNG Ở VIỆT NAM: THỰC TẠI VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN THỊ THU THỦY

Email: thuymgu@yahoo.com

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN

UNDERGRADUATE EDUCATION FOR LITERATURE IN VIETNAM: REALITY AND PERSPECTIVE

TÓM TẮT

Trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, ngành văn học thuộc lĩnh vực đào tạo nhân văn, có lịch sử tổ chức đào tạo hơn 70 năm trong hệ thống đào tạo đại học. Cho đến nay, ở Việt Nam, ngành văn học được tổ chức đào tạo bậc đại học tại tất cả các trường đại học đa ngành từ các trường đại học quốc gia đến các đại học vùng miền. Mục đích của bài báo là giới thiệu thực trạng và triển vọng phát triển của chương trình đào tạo cử nhân văn chương ở Việt Nam, trong đó tập trung vào một số vấn đề: 1. Giới thiệu và so sánh cấu trúc chương trình đào tạo cử nhân văn chương ở Việt Nam hiện nay qua 05 chương trình đào tạo tiêu biểu của 05 trường đại học có uy tín nhất về lĩnh vực này thuộc 3 miền Bắc, Trung và Nam (miền Bắc: ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN và ĐHSPTN; miền Trung: ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng; miền Nam: ĐHKHXH&NV - ĐHQGTpHCM): chỉ ra những điểm chung và khác biệt; 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng của các chương trình đào tạo với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; 3. Năng lực hội nhập của nguồn nhân lực cử nhân văn chương trong thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay; 4. Xu hướng đào tạo cử nhân văn chương trong thời gian tới. Các dữ liệu phân tích ở điểm 2, 3, 4 chủ yếu được lấy từ thực tiễn đào tạo tại khoa Văn học, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, nơi tác giả bài báo công tác, khi cần có kết hợp với dữ liệu của các cơ sở đào tạo kể trên.

Từ khóa: Đào tạo đại học, văn học, Khung trình độ quốc gia, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, năng lực hội nhập

ABSTRACT

In Vietnamese national education system, Literature as a major belongs to Humanities field of training and has over 70-year of undergraduate education history. Nowadays, in Vietnam, Literature as a major is trained almost in all multidisciplinary universities including national and regional ones. The aim of this paper is to describe a reality and a tendency of bachelor in literature training in Vietnamese universities, focusing on the following points: 1. Curriculum structure of Bachelor in Literature Programmes offered by 5 biggest and most prestigious universities in this field over the country (in the Northern Vietnam: USSH-VNU Hanoi and Hanoi Pedagogical University; in the Central Vietnam: Hue University and Danang University; in the Southern Vietnam: USSH- VNUHCM); 2. Expected learning outcomes of Bachelor in Literature Programme and its compatibility to Vietnam National Qualifications Framework; 3. Integrating capability of Bachelors in Literature to the labor market; 4. Tendency of Bachelor in Literature training in the coming time. The analytical data for points 2, 3, 4 is mostly taken from training practices at Faculty of Literature, USSH-VNU Hanoi, where the author of this paper has been working for, combining with data from other universities when needed.

Keywords: Undergraduate Education, Literature, Vietnamese Qualifications Framework, Expected Learning Outcome, Curriculum, Integrating Capabilityteaching, teaching method, music subject

Hơn một tháng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 45 thành lập Đại học Văn khoa tại Hà Nội, một trong 5 trường đại học đầu tiên của nền đại

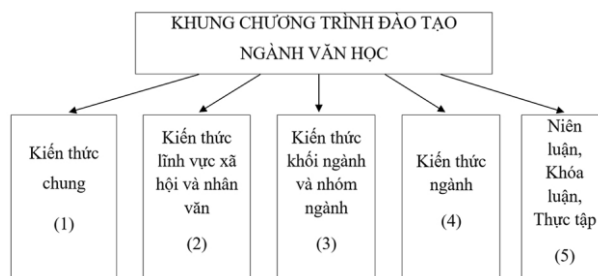
học Việt Nam dưới chế độ mới¹. Các chuyên ngành được giảng dạy tại đây trong năm học đầu tiên 1945-1946 gồm Triết học Đông phương, Văn chương Việt Nam, Văn chương Trung Hoa, Văn chương Tây

phương, Sử ký, Địa dư và Nga ngữ. Có thể thấy, trong nền giáo dục quốc dân Việt Nam, ngành văn học đã có lịch sử tổ chức đào tạo hơn 70 năm trong hệ thống đào tạo đại học, và cho đến nay vẫn là ngành học được tuyển sinh đều đặn tại tất cả các Đại học khoa học đa ngành và các Đại học Sư phạm trên toàn quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh khoa học công nghệ và nhu cầu nguồn nhân lực từ xã hội đang chuyển dịch rất nhanh dẫn tới nhiều thay đổi trong tư duy khoa học và giáo dục, thì việc tổ chức đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong đó có ngành Văn học, đang đối mặt với những thách thức vô cùng lớn. Cùng với việc hình thành và phát triển nhiều ngành học xã hội mới, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng như Đông phương học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Khoa học Quản lý, Quản trị văn phòng,... thì những ngành đào tạo khoa học cơ bản có truyền thống lâu đời như ngành Văn học cũng buộc phải tự làm mới mình để thu hút người học, bởi thực tế tuyển sinh cho thấy hiện nay Văn học không phải là lựa chọn hàng đầu của nhiều bạn trẻ khi bước vào cánh cổng trường đại học. Bài viết dưới đây giới thiệu thực trạng và triển vọng phát triển của chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Văn học ở Việt Nam², trong đó tập trung vào một số vấn đề: 1. Giới thiệu cấu trúc CTĐT cử nhân văn chương ở Việt Nam hiện nay qua 05 CTĐT của 05 trường đại học có uy tín nhất về lĩnh vực này thuộc 3 miền Bắc, Trung và Nam Việt Nam; 2. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Văn học và mức độ đáp ứng của các CTĐT với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; 3. Năng lực hội nhập của nguồn nhân lực cử nhân văn chương trong thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay; 4. Xu hướng đào tạo cử nhân văn chương trong thời gian tới.

I. Cấu trúc chương trình đào tạo cử nhân Văn học ở Việt Nam

Đối tượng khảo sát của chúng tôi là 05 Chương trình khung cử nhân Văn học của 05 cơ sở đào tạo đại học lớn trên cả nước là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (viết tắt: ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN)³, Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)⁴, ĐH Khoa học thuộc Đại học Huế (ĐHKH-ĐH Huế)⁵, Đại học Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng (ĐHSP-ĐH Đà Nẵng)⁶, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM)⁷, có thể thấy các chương trình đều được thiết kế gồm các khối kiến thức cơ bản như sau: 1) Kiến thức chung bao gồm kiến thức cơ sở về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất; 2) Kiến thức theo lĩnh vực xã hội và nhân văn như kiến thức về cơ sở văn hóa Việt Nam; phương pháp nghiên cứu khoa học; môi trường

và phát triển; logic học đại cương; lịch sử văn minh thế giới; nhà nước và pháp luật đại cương; xã hội học đại cương...; 3) Kiến thức theo khối ngành và nhóm ngành như: kiến thức Hán Nôm cơ sở; nghệ thuật học đại cương; các kiến thức về ngôn ngữ học và tiếng Việt...; 4) Kiến thức ngành như kiến thức về lý luận văn học; lí luận phê bình nghệ thuật; kiến thức về văn học dân gian Việt Nam; văn học Việt Nam, văn học Nga và Phương Tây, văn học phương Đông, ... Các khối kiến thức trên có thể được nhóm hợp và hiện thị trong Khung chương trình dưới các tên gọi khác nhau, ví dụ chúng được gọi là Kiến thức chung - Kiến thức theo lĩnh vực - Kiến thức theo nhóm ngành - Kiến thức ngành (ở ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN và ĐHSPHN); hoặc được gọi là Kiến thức chung - Kiến thức cơ sở và ngành (ở ĐHSP-ĐH Đà Nẵng), hay Kiến thức giáo dục đại cương - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/chuyên ngành (ở ĐHKH-ĐH Huế; ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM). Các Khung chương trình đều bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn được phân bổ theo một tỷ lệ nhất định (học phần bắt buộc chiếm hơn 80% thời lượng chương trình). Ngoài các học phần kiến thức, các chương trình đều yêu cầu thời lượng bắt buộc cho Niên luận, Thực tập thực tế và Khóa luận tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp.



Dưới đây là Bảng so sánh tỷ lệ các khối kiến thức được phân bổ trong 5 Khung CTĐT trên:

Trường	Tổng thời lượng của CTĐT (tính theo tín chỉ)	Thời lượng phân bổ các khối kiến thức		
		Kiến thức chung và Kiến thức theo lĩnh vực (1) + (2)	Kiến thức nhóm ngành, khối ngành và ngành (3) + (4)	Niên luận, Khóa luận, Thực tập (5)
ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN	139	53 38.1%	76 54.6%	10 7.1%
ĐHSPHN	130	52 40%	62 47.6%	16 12.3%
ĐHKH-ĐH Huế	125	36 28.8%	78 62.4%	11 8.8%
ĐHSP-ĐH Đà Nẵng	135	33 24,5%	92 68,1%	10 7.4%
ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM	148	46 31.1%	94 63.5%	8 5,4 %

EDUCATION

Bảng so sánh tỷ lệ khối lượng các mảng kiến thức cốt lõi của nhóm ngành, khối ngành và ngành trong 5 Khung CTĐT (tức nhóm (3) và (4)), gồm mảng kiến thức Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học, Tiếng Việt, Hán Nôm và tổ hợp các kiến thức khác:

Trường	Văn học Việt Nam	Văn học nước ngoài	Lý luận văn học	Hán Nôm	Tiếng Việt	Khác
ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN	32.8	31.5	10.5	7.8	7.8	9.6
ĐHSPHN	33.8	19.3	16.1	8.06	12.9	9.8
ĐHKH-ĐH Huế	24.3	23.1	10.2	8.9	12.8	20.5
ĐHSP-ĐH Đà Nẵng	27.1	20.6	10.8	6.5	17.3	17.3
ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM	32.4	33.7	14.8	5.4	13.5	

Nhận xét

Cơ cấu các khối kiến thức trong các CTĐT cử nhân Văn học như hiện nay đảm bảo cung cấp cho người học những kiến thức chung về chính trị, xã hội, ngoại ngữ; kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức theo khối ngành ngữ văn; kiến thức nhóm ngành văn học nghệ thuật và kiến thức chuyên sâu của ngành Văn học. Cấu trúc các CTĐT đều đảm bảo độ rộng của kiến thức liên ngành và tính chuyên sâu của kiến thức nhóm ngành và ngành như kiến thức văn học, ngôn ngữ học và tiếng Việt, nghệ thuật học, Hán Nôm (tỷ trọng khối kiến thức (3) và (4) lớn hơn khối kiến thức (1) và (2) ở tất cả 5 CTĐT).

Các học phần của kiến thức ngành tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm chuyên sâu như Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài và hệ thống các chuyên đề lý thuyết và nghiệp vụ của ngành Văn học, tăng cường độ sâu về kiến thức. Thời lượng bắt buộc dành cho kiến thức văn học Việt Nam và văn học nước ngoài là tương đương nhau ở CTĐT các trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN, ĐHKH-ĐH Huế, ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM (từ 17 đến 25 tín chỉ trên tổng thời lượng CTĐT) và chênh lệch nhau ở CTĐT các Trường ĐHSPHN, ĐHSP-ĐH Đà Nẵng (thời lượng dành cho Văn học Việt Nam nhiều gấp gần 1.5 lần so với thời lượng dành cho Văn học nước ngoài), điều này có thể là do tính chất đặc thù của vị trí việc làm truyền thống sau khi ra trường của nên việc đào tạo ở các trường Sư phạm vẫn gắn nhiều hơn với chương trình giảng dạy Văn học ở bậc phổ thông.

Các kiến thức về văn học Việt Nam được cung cấp theo tiến trình văn học sử bao gồm văn học dân gian Việt Nam, văn học Việt Nam cổ điển và hiện đại, cùng một số chuyên đề chuyên sâu. Văn học nước ngoài được giảng dạy trong các CTĐT theo hướng khu vực học, bao gồm các nền văn học Tây Âu, văn học châu Á (văn học Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản,

Hàn Quốc, Đông Nam Á), văn học Nga, văn học Bắc Mỹ - Mỹ Latin, văn học Trung Cận Đông, cùng một số chuyên đề chuyên sâu thuộc nhóm học phần tự chọn.

Trong số 05 CTĐT được khảo sát, có duy nhất CTĐT cử nhân Văn học của trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM chia 3 hướng chuyên ngành nhằm tới các vị trí, lĩnh vực việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm, gồm: hướng *Nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học*; hướng *Báo chí, xuất bản, văn phòng*; hướng *Nghệ thuật học*. Sau khi hoàn thành các học phần với tỷ lệ các mảng kiến thức như hiện thị ở biểu đồ số 5 phía trên, người học sẽ chọn thêm 16 tín chỉ thuộc một trong 3 hướng. Hướng *Nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học* gồm các học phần chuyên sâu hơn về văn học; hướng *Báo chí, xuất bản, văn phòng* gồm các học phần mang tính nghiệp vụ như *Nghiệp vụ biên tập sách; Tin, phỏng vấn và phóng sự; Kỹ thuật nhiếp ảnh và ảnh báo chí; Kỹ thuật báo trực tuyến; Các kỹ năng cơ bản trong quản trị văn phòng; Nghiệp vụ thư ký văn phòng;...*; hướng *Nghệ thuật học* gồm các học phần như *Nhập môn sân khấu, Nhập môn Điện ảnh; Nghệ thuật và kinh doanh;...* Có thể nói, đây là CTĐT mang tính ứng dụng và định hướng nghề nghiệp rõ nhất trong 5 CTĐT đang được khảo sát.

Các CTĐT ngành Văn học của trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN và ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM đều đã được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

II. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Văn học và mức độ đáp ứng của CTĐT với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 bao gồm 8 bậc, mỗi bậc trình độ được mô tả rõ ràng và liên kết với nhau theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo tính liên thông giữa các bậc, tạo điều kiện công nhận trình độ và khả năng học tập suốt đời. Bậc 6 trong Khung tương ứng trình độ Đại học, quy định chuẩn đầu ra mà người học cần đạt được như sau: “Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn,

EDUCATION

truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ”⁸.

Xét về tổng thời lượng CTĐT, cả 5 Chương trình khung đều đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (quy định tối thiểu 120 tín chỉ cho CTĐT Đại học).

5 Chương trình khung đều đáp ứng phần lớn các yêu cầu về chuẩn đầu ra được quy định trong Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, đặc biệt đáp ứng 100% yêu cầu về chuẩn đầu ra kiến thức (các khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành đều tập trung vào kiến thức cốt lõi, tạo nền tảng vững chắc để người học sau khi ra trường có thể hoạt động trong lĩnh vực được đào tạo).

Liên quan đến các yêu cầu về kỹ năng, dựa trên cấu trúc Chương trình khung, việc xác lập chuẩn đầu ra và cách thức tổ chức dạy và học, có thể nhận định: nhìn chung 5 CTĐT đáp ứng được các yêu cầu về kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng hoàn thành công việc đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; kỹ năng lập luận, tư duy giải quyết vấn đề; kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; các kỹ năng mềm (kỹ năng bổ trợ) bao gồm các kỹ năng cá nhân, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng tin học và ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung tham chiếu châu Âu.

Yêu cầu của Khung trình độ quốc gia về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn nhân lực chỉ được đáp ứng ở mức độ nhất định ở 5 CTĐT. Các chương trình chưa nhấn mạnh các kỹ năng này, thể hiện ở việc sau khi ra trường số lượng người học có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho người khác còn rất hạn chế. Trường đại học trang bị kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn khá tốt nhưng các kỹ năng lãnh đạo, dẫn dắt, khởi nghiệp, quản lý còn chưa được chú trọng. Ở 5 Chương trình khung, chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm của người học còn chưa được đưa vào như một thành phần riêng biệt, do đó các năng lực cá nhân của người học như “chịu trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ” chưa được chú trọng trong đào tạo và chưa có cơ chế kiểm tra đánh giá năng lực này.

III. Năng lực hội nhập của nguồn nhân lực cử nhân văn chương trong thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay

Dù có nhiều biến động trên thị trường nhân lực và nghề nghiệp nhưng nhìn chung công việc sau khi ra trường của sinh viên ngành Văn học vẫn tương đối ổn định trong những năm gần đây. Từ nhiều năm nay, cử

nhân ngành văn học thường làm việc tại các lĩnh vực và đảm nhiệm các vị trí sau:

Giảng dạy Văn học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường phổ thông.

Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học có liên quan đến văn học, văn hóa, nghệ thuật.

Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo chí-truyền thông.

Biên kịch trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh.

Cán bộ, nhân viên tại các cơ quan nhà nước và tư nhân: các bộ phận văn phòng, tổ chức, hành chính, xuất bản, thư viện, lưu trữ, hướng dẫn viên du lịch...

Kết quả khảo sát tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành Văn học tại trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN năm 2015 và 2016 trên tổng số 90 sinh viên tốt nghiệp mỗi năm là:

2015	2016
- trước khi tốt nghiệp: 18% có việc làm	- trước khi tốt nghiệp: 29,7% có việc làm
- dưới 6 tháng sau tốt nghiệp: 27,9% có việc làm	- dưới 6 tháng sau tốt nghiệp: 55,4% có việc làm
- từ 6 - 12 tháng sau tốt nghiệp: 26,2% có việc làm	- từ 6 - 12 tháng sau tốt nghiệp: 10,8% có việc làm
- 12 tháng sau tốt nghiệp: 14,8% có việc làm	- 12 tháng sau tốt nghiệp: 14,8% có việc làm
- chưa có việc làm sau 12 tháng: 13,1%	- chưa có việc làm sau 12 tháng: 4,1%

Như vậy, các sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học phần lớn đều có việc làm trong vòng 6 tháng sau ra trường.

Trong thời gian học tập, sinh viên ngành Văn học có ít nhất 1 đợt thực tập kéo dài tối thiểu 1 tháng đến các cơ quan đại diện cho đơn vị tuyển dụng trong tương lai để làm quen và bước đầu thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến việc làm sau khi ra trường. Phản hồi từ cơ sở thực tập cũng là một kênh tham khảo quan trọng trong quá trình điều chỉnh CTĐT tương thích với yêu cầu của thị trường lao động.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học trường ĐHKHXH&NV- ĐHQGHN thực hiện tháng 4 năm 2015 cho thấy 90% nhà tuyển dụng đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo của cử nhân ngành Văn học. Khảo sát cụ thể từng tiêu chí, kết quả thu được là:

100% nhà tuyển dụng cho rằng việc cung cấp kiến thức chung về xã hội, kiến thức chuyên ngành, liên ngành trong CTĐT là rất quan trọng và cần thiết với

EDUCATION

Sinh viên cho công việc sau tốt nghiệp; 92% nhà tuyển dụng hài lòng về điều này đối với sinh viên ngành Văn học.

88% nhà tuyển dụng hài lòng với khả năng làm việc độc lập, năng lực vận dụng kiến thức, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên ngành Văn học.

92% nhà tuyển dụng hài lòng về năng lực phân loại xử lý thông tin, giải quyết vấn đề của sinh viên ngành Văn học.

85% nhà tuyển dụng hài lòng về các phẩm chất như tự tin, trách nhiệm đối với công việc, thái độ hợp tác với đồng nghiệp, sự cầu thị, đạo đức nghề nghiệp... của sinh viên ngành Văn học.

87% nhà tuyển dụng hài lòng về các kỹ năng như giao tiếp, thuyết trình, lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kỹ năng xác định vấn đề, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm của sinh viên ngành Văn học.

Tuy nhiên, các nhà tuyển dụng đều đánh giá chưa cao về một số kỹ năng của sinh viên như khả năng thích ứng với sự thay đổi, khả năng giải quyết xung đột. Các nhà tuyển dụng cũng cho rằng ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần trau dồi thêm các tiêu chí về kỹ năng nghiệp vụ, khả năng sử dụng ngoại ngữ, khả năng tư duy hệ thống, năng lực sáng tạo, kết hợp lí thuyết với thực tiễn.

Những người xây dựng chương trình cần tham khảo các phản hồi này để cải tiến, cập nhật chương trình theo hướng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động.

Trên thực tế, những khiếm khuyết trên của nguồn nhân lực Văn học cũng là những khiếm khuyết chung rất cần được trau dồi của nhân lực Việt Nam: “Kết quả của một số cuộc khảo sát, nghiên cứu của các tổ chức trong và ngoài nước cũng cho chung kết quả: Hầu hết các doanh nghiệp được khảo sát đều không hài lòng với chất lượng giáo dục và kỹ năng của nhân viên, nhất là kỹ sư và kỹ thuật viên. Không chỉ thiếu về kiến thức chuyên môn, các lao động Việt Nam còn yếu về kỹ năng giải quyết vấn đề, lãnh đạo và giao tiếp. Nhân lực Việt Nam còn thiếu kỹ năng mềm như ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tác phong công nghiệp và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp”⁹.

IV. Xu hướng đào tạo cử nhân văn chương trong thời gian tới

Trong bối cảnh phát triển xã hội như hiện nay, nhân lực lao động ở bất kỳ ngành nghề nào đều đối mặt với đòi hỏi phải có một nền tảng tri thức vững chắc mang tính tổng hợp và liên ngành trên nhiều lĩnh vực. Quá

trình đào tạo có nhiệm vụ chuẩn bị cho người học khả năng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của đơn vị tuyển dụng, phải góp phần tạo ra ở người học “giá trị sức lao động” thực, “giá trị hành nghề” thực, “giá trị đóng góp cho xã hội” thực, chứ không chỉ những tấm bằng tốt nghiệp chung chung. Các “giá trị” này ở người học được tạo lập trên cơ sở phối hợp uyển chuyển giữa việc tiếp thu tri thức khoa học của ngành nghề và việc trau dồi các kỹ năng thiết yếu như kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, cùng các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, tư duy sáng tạo... Sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và các đơn vị sử dụng lao động cần phải chặt chẽ và thường xuyên để nắm bắt sự biến động của nhu cầu nhân lực.

Xu hướng đào tạo cử nhân văn chương theo định hướng nghề nghiệp theo tôi là phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Nên dựa vào kết quả khảo sát vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của người học để hỗ trợ họ chuẩn bị cho vị trí ấy một cách tốt nhất.

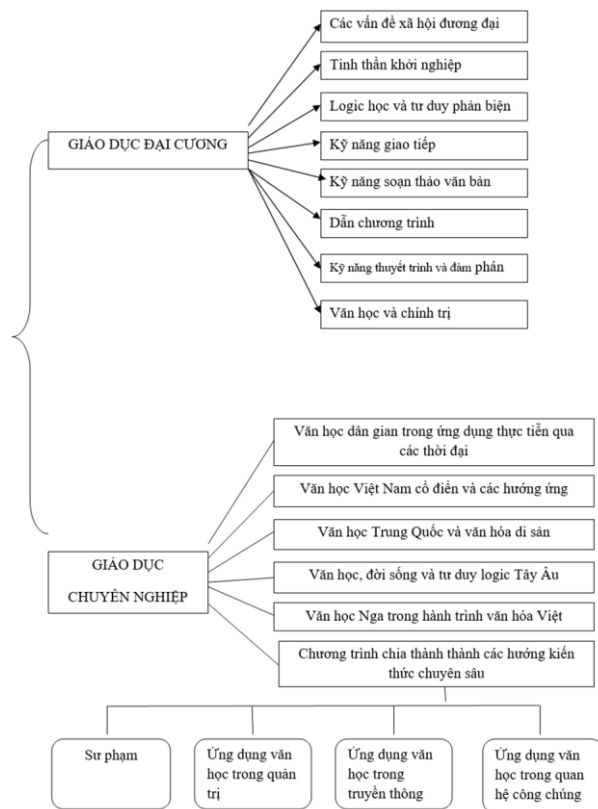
Khung CTĐT ngành Văn học của trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN đang được điều chỉnh trong năm 2019 theo hướng tiếp cận liên ngành, tạo sự gắn kết, phối hợp của các ngành khoa học để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Nhiều học phần mới được đưa vào chương trình giảng dạy, cung cấp những tri thức cần thiết cho nhận thức và thực hành nghề nghiệp sau này của người học như: Báo chí truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng đại chúng, Ngôn ngữ báo chí, Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, Nghiệp vụ báo chí, Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng, Viết học thuật, Viết sáng tạo,... Việc trang bị kiến thức liên ngành, các kỹ năng tổng hợp cũng có thể diễn ra thông qua nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường.

CTĐT ngành Văn học của trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGTpHCM như đã trình bày bên trên cũng đang được thực hiện theo định hướng này. Chương trình gồm các hướng *Nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học; Báo chí, xuất bản, văn phòng và Nghệ thuật học.*

Cũng theo hướng này, một số trường đại học có đào tạo ngành Văn học như Đại học Thái nguyên, Đại học Văn Lang, trong 1-2 năm gần đây, đã xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng, gọi là ngành Văn học ứng dụng (Applied Literature). TS. Hồ Quốc Hùng (ĐH Văn Lang) cho biết, văn học ứng dụng là xu hướng đào tạo ở nhiều nước tiên tiến trên thế giới hướng đến phạm vi nghề nghiệp rộng hơn cho sinh viên ngành Văn học, “nét bao quát của các chương trình văn học ứng dụng đều dựa trên nền tảng tri thức

EDUCATION

Văn học nhằm nâng cao nhận thức về con người, về cuộc sống, khả năng dự báo, tham gia định hướng khởi nghiệp cho người học với những mục tiêu ngắn hạn, dài hạn, đồng thời tạo nội lực, sử dụng kiến thức như một công cụ, hình thành các kỹ năng đọc, viết, hiểu để tham gia vào các hoạt động có liên quan đến nhiều ngành nghề¹⁰. Chương trình hướng đến rèn luyện cho người học khả năng ý thức về bản thân và khả năng vận dụng tri thức văn chương vào các lĩnh vực hoạt động xã hội; rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, tranh luận, đàm phán thông qua làm việc nhóm, phân biện thông qua văn bản; rèn luyện kỹ năng viết bao gồm viết kế hoạch, chiến lược, báo cáo tổng kết công văn hành chính, báo cáo khoa học... CTĐT ngành Văn học ứng dụng ở Đại học Văn Lang¹¹ xây dựng các học phần theo 2 mảng Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, trong đó ở mỗi mảng đưa vào nhiều học phần mang tính kỹ năng, nghiệp vụ hoặc tính ứng dụng. Dưới đây là một số học phần tiêu biểu:



Có thể thấy chương trình học của ngành Văn học ứng dụng giúp sinh viên phát triển những kỹ năng nghề nghiệp khá cụ thể. Đây cũng là một phương án xây dựng chương trình hướng tới giúp người học tiếp cận gần hơn với nhu cầu của thị trường lao động.

Việc xây dựng hay điều chỉnh các CTĐT như trên cho thấy việc đào tạo Văn học ở bậc Đại học đã đi theo xu hướng trang bị các kiến thức liên ngành đồng thời với rèn luyện các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

Kết luận

Đào tạo Văn học ở bậc đại học ở Việt Nam đã có lịch sử phát triển hơn 70 năm. Suốt thời gian đó, có những thời điểm được là sinh viên ngành Văn (“Tổng hợp Văn”) là niềm tự hào của biết bao người. Rất nhiều cử nhân ngành Văn sau khi ra trường đã thành đạt trên con đường lập nghiệp, nắm giữ nhiều vị trí và trọng trách quan trọng trong các cơ quan và tổ chức nhà nước. Những năm gần đây, khi đời sống xã hội có nhiều biến động, cơ cấu ngành nghề dịch chuyển theo nhu cầu thị trường, người học thiên về lựa chọn cho mình những ngành học mang tính thực dụng hơn là chọn Văn học. Trong bối cảnh như vậy, truyền thông về Văn học như một ngành học với định hướng nghề nghiệp rõ ràng là một nhiệm vụ cần thiết, song song với đó là việc điều chỉnh, đổi mới, cập nhật CTĐT mang tính hiện đại và đáp ứng nhu cầu xã hội cần được tiến hành thường xuyên và hiệu quả. Một tín hiệu đáng mừng là trong 5 năm trở lại đây, mối quan tâm của xã hội với ngành Văn học đã có chiều hướng quay trở lại, bằng chứng là việc tuyển sinh ngành Văn học ở các trường đại học khá khả quan, chất lượng người học đầu vào tương đối cao, dự báo sẽ cung cấp cho xã hội một nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

EDUCATION

CHÚ THÍCH

¹Đó là các trường: Đại học Văn khoa, Đại học Y – Dược – Nha khoa, Cao đẳng Khoa học, Cao đẳng Mỹ thuật, Cao đẳng Công chính và Cao đẳng Thú y.

²Các chương trình đào tạo Văn học ở Việt Nam chia thành 2 dạng: Chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Ngữ văn (được giảng dạy tại các trường Sư phạm trên cả nước) và Chương trình đào tạo Cử nhân Văn học (được giảng dạy ở các trường Đại học khoa học đa ngành, và trong thời gian gần đây, ở cả các trường Đại học Sư phạm). Bài viết này chỉ đề cập tới Chương trình đào tạo cử nhân Văn học ở Việt Nam.

³Xem chi tiết chương trình tại: Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, Khung chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Văn học, ban hành 2015, <http://ussh.vnu.edu.vn/d6/vi-VN/news/Khung-chuong-trinh-he-chuan-5-888-16409>.

⁴Xem chi tiết chương trình tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khung chương trình đào tạo Cử nhân Văn học, ban hành năm 2014, <http://nguvan.hnue.edu.vn/Daotao/Cunhan/tabid/93/newstab/341/Default.aspx>.

⁵Xem chi tiết chương trình tại: Trường Đại học Huế, Khung chương trình đào tạo ngành Văn học, ban hành năm 2013, <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/Program/Detail/id/49.html>.

⁶Xem chi tiết chương trình tại: Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Đà Nẵng, Chương trình giáo dục đại học ngành Văn học, ban hành năm 2017, <http://daotao.ued.udn.vn/ctdt2019/>.

⁷Xem chi tiết chương trình tại: Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQGTpHCM, Khung chương trình đào tạo ngành Văn học, ban hành năm 2016, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/dao-cao/dai-hoc-he-chinh-quy-1/331-chuy%C3%AA-nh%C3%A0nh-v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc.html>.

⁸Chính phủ, Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016), tr.6-7.

⁹Trần Anh Tuấn, Một số ý kiến về đào tạo và nhu cầu doanh nghiệp về nguồn nhân lực, Tọa đàm Đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, ĐH Kinh tế-Tài chính, Tp Hồ Chí Minh 8.7.2018, dẫn theo <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/7466.mot-so-y-kien-ve-dao-cao-va-nhu-cau-doanh-nghiep-ve-nguon-nhan-luc.html>.

¹⁰Hồ Quốc Hùng, Chương trình Văn bậc đại học trong xu thế đổi mới và hội nhập, Tạp chí Nghiên cứu văn học, 1/2019

¹¹Xem chi tiết Khung CTĐT ngành Văn học ứng dụng Đại học Văn Lang ban hành năm 2017, tại: <http://tuyensinh.vanlanguni.edu.vn/van-hoc-ung-dung>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2016), Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016), Hà Nội
2. Hồ Quốc Hùng (2019), Chương trình Văn bậc đại học trong xu thế đổi mới và hội nhập, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 1, Hà Nội.
3. Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế (2013), Khung chương trình đào tạo ngành Văn học, ban hành năm 2013, có thể xem tại: <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/Program/Detail/id/49.html>.
4. Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN (2015), Khung chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Văn học, ban hành 2015, có thể xem tại: <http://ussh.vnu.edu.vn/d6/vi-VN/news/Khung-chuong-trinh-he-chuan-5-888-16409>.
5. Trường ĐHKHXH&NV 5 ĐHQGTpHCM (2016), Khung chương trình đào tạo ngành Văn học, ban hành năm 2016, có thể xem tại: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/dao-cao/dai-hoc-he-chinh-quy-1/331-chuy%C3%AA-nh%C3%A0nh-v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc.html>.
6. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2014), Khung chương trình đào tạo Cử nhân Văn học, ban hành năm 2014, có thể xem tại: <http://nguvan.hnue.edu.vn/Daotao/Cunhan/tabid/93/newstab/341/Default.aspx>.
7. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (2017), Chương trình giáo dục đại học ngành Văn học, ban hành năm 2017, có thể xem tại: <http://daotao.ued.udn.vn/ctdt2019/>
8. Trường Đại học Văn Lang (2017), Khung chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Văn học ứng dụng, ban hành năm 2017, có thể xem tại: <http://tuyensinh.vanlanguni.edu.vn/van-hoc-ung-dung>.
9. Trần Anh Tuấn (2018), Một số ý kiến về đào tạo và nhu cầu doanh nghiệp về nguồn nhân lực, Tọa đàm Đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, ĐH Kinh tế-Tài chính, Tp Hồ Chí Minh 8.7.2018, dẫn theo <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/7466.mot-so-y-kien-ve-dao-cao-va-nhu-cau-doanh-nghiep-ve-nguon-nhan-luc.html>.